

BÁO CÁO

Kết quả tự đánh giá chỉ số cải cách hành chính thị trấn Điều Trì năm 2024

Căn cứ Quyết định số 8802/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND huyện Tuy Phước về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính đối với UBND các xã, thị trấn; Hướng dẫn số 403/HD-NV ngày 31/10/2023 của Phòng Nội vụ huyện Tuy Phước về việc tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. UBND thị trấn Điều Trì báo cáo kết quả tự đánh giá Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 như sau:

A. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC: 66,46/70 điểm.

1. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH: 12/ 14 điểm.

1.1. Ban hành kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) hàng năm (Kế hoạch CCHC, Kế hoạch tuyên truyền, kế hoạch kiểm tra CCHC): 1/ 1 điểm.

1.2. Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC: 1/1 điểm.

1.3. Công tác tuyên truyền CCHC: 2/ 2 điểm.

1.4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo chuyên đề về CCHC: 1/ 1 điểm.

1.5. Công tác kiểm tra CCHC: 3/ 3 điểm

1.5.1. Tổ chức tự kiểm tra quy trình tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa cấp xã; quy trình giải quyết hồ sơ TTHC tại các bộ phận chuyên môn của UBND cấp xã: 1/ 1 điểm

1.5.2. Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: 1/ 1 điểm

1.5.3. Công tác khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra của Đoàn kiểm tra CCHC huyện: 1/1 điểm

1.6. Thực hiện các nhiệm vụ do UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao: 1/ 1 điểm.

1.7. Trách nhiệm người đứng đầu trong công tác công tác CCHC: 2/2 điểm.

1.7.1. Trực tiếp phụ trách công tác CCHC, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; có văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại địa phương, tham dự đầy đủ các cuộc họp, hội nghị về công tác CCHC của huyện: 0,5/ 0,5 điểm

1.7.2. Có tổ chức gặp gỡ, trao đổi, đối thoại với người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại địa phương và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc: 0,5/ 0,5 điểm

1.7.3. Tổ chức quán triệt, phân tích, rút kinh nghiệm về chỉ số CCHC sau khi UBND huyện công bố: 1/ 1 điểm

1.8. Công tác tổng kết phong trào thi đua CCHC hàng năm: 1 / 3 điểm.

1.8.1. Có ban hành Kế hoạch phát động phong trào thi đua và tổ chức hội nghị đánh giá tổng kết: 0,5/0,5 điểm

1.8.2. Có bình xét thi đua, khen thưởng: 0,5/0,5 điểm

1.8.3. Có sáng kiến mới về CCHC phát huy hiệu quả tại địa phương: 0/2 điểm

2. CẢI CÁCH THỂ CHẾ: 4/ 4 điểm.

2.1. Công tác ban hành văn bản QPPL: 1/ 1 điểm.

2.2. Thực hiện rà soát, hệ thống hóa VBQPPL do địa phương ban hành theo đúng quy định: 1/1 điểm.

2.3. Xử lý văn bản sau rà soát, kiểm tra và kiến nghị: 1/1 điểm.

2.4. Ban hành kế hoạch và báo cáo kết quả theo dõi và thi hành pháp luật đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định: 1/ 1 điểm.

3. CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: 8/ 8 điểm.

3.1. Rà soát, đánh giá, đơn giản hóa đối với thủ tục hành chính có phát sinh gia dịch: 2/ 2 điểm

3.2. Kết quả giải quyết TTHC: 3/ 3 điểm.

3.3. Thực hiện việc xin lỗi tổ chức, công dân trong trường hợp trả kết quả không đúng hẹn (nếu xác định không trễ hẹn được giữ nguyên điểm): 1/ 1 điểm

3.4. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết: 2/ 2 điểm.

3.4.1. Có công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị về TTHC theo quy định: 1/1 điểm

3.4.2. Xử lý phản ánh kiến nghị về TTHC: 1/1 điểm

4. CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY: 9/ 9 điểm.

4.1. Rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy kịp thời và đảm bảo theo quy định của cấp có thẩm quyền: 1/ 1 điểm.

4.2. Thực hiện quy định về sử dụng biên chế cán bộ, công chức được giao (bao gồm cả số lượng người hoạt động không chuyên trách): 1/ 1 điểm.

4.3. Thông báo phân công nhiệm vụ kịp thời, phù hợp với quy định và thực tế của địa phương: 1/1 điểm.

4.4. Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về biên chế, tổ chức bộ máy theo quy định: 1/ 1 điểm.

4.5. Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý theo quy định: 4/4 điểm.

4.5.1. Thực hiện đầy đủ các quy định về phân cấp quản lý do cấp trên ban hành: 1/1 điểm.

4.5.2. Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ các nội dung đã được UBND huyện phân cấp, ủy quyền: 1/1 điểm.

4.5.3. Xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đối với các nội dung đã được phân cấp, ủy quyền: 2/2 điểm

4.6. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về CCVC của tỉnh (đúng - đủ - sạch - sống): 1/1 điểm.

5. CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ: 7/ 7 điểm.

5.1. Tỷ lệ cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định hiện hành: 1/1 điểm.

5.2. Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức của đơn vị đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0.5/0.5 điểm.

5.3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: 1/1 điểm.

5.4. Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đảm bảo theo kế hoạch của huyện: 1/1 điểm.

5.5. Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức: 2/2 điểm.

5.5.1. Gửi kết quả đánh giá về Phòng Nội vụ đúng thời gian quy định: 1/1 điểm

5.5.2. Tỷ lệ CBCC hoàn thành tốt nhiệm vụ: 1/1 điểm

5.6. Thực hiện kỷ luật kỷ cương hành chính và văn hóa công vụ: 1/ 1 điểm.

5.7. Thực hiện việc kê khai tài sản cán bộ, công chức theo quy định: 0.5/0.5 điểm.

6. CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG: 5,9/6 điểm.

6.1. Thực hiện công khai tài chính đầy đủ theo quy định: 1.5/1.5 điểm.

6.1.1. Công khai tài chính về dự toán đầu năm trình HĐND (BM,TG,HT): 0.2/0.2 điểm.

6.1.2. Công khai tài chính về dự toán đầu năm của UBND (BM,TG,HT): / 0.25/0.25 điểm.

6.1.3. Công khai tài chính về thực hiện dự toán quý, I, II, III, IV, CN (BM,TG,HT): 0.25/0.25 điểm.

6.1.4. Công khai tài chính về quyết toán dự toán (Biểu mẫu, Thời gian, Hình thức) : 0.2/0.2 điểm.

6.1.5. Công khai quỹ PCTT, quỹ ủng hộ người nghèo (BM,TG,HT): 0.2/0.2 điểm.

6.1.6. Công khai dự toán danh mục đầu tư (BM,TG,HT)): 0.2/0.2 điểm.

6.1.7. Công khai quyết toán vốn đầu tư (BM,TG,HT)): 0.2/0.2 điểm.

6.2. Xây dựng quy chế tự chủ về sử dụng biên chế và kinh phí tại đơn vị theo quy định và quy chế sử dụng tài sản công của đơn vị: 1/1 điểm.

6.3. Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền: 0.5/0.5 điểm.

6.4. Xây dựng và báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách: 1/ 1 điểm.

6.5. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước: 0,9/ 1 điểm.

6.6. Thực hiện quản lý các phần mềm: 1/ 1 điểm.

6.6.1. Phần mềm quản lý tiền lương: 0.2/0.2 điểm

6.6.2. Phần mềm quản lý đầu tư: 0.2/0.2 điểm

6.6.3. Phần mềm quản lý tài sản: 0.2/0.2 điểm

6.6.4. Phần mềm kế toán: 0.2/0.2 điểm

6.6.5. Phần mềm quản lý ngân sách: 0.2/0.2 điểm

7. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ: 17,56/ 19 điểm.

7.1. Ban hành đầy đủ các Kế hoạch, quy định, quy chế để triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số của địa phương: 1/1 điểm

7.2. Cung cấp các loại thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Trang thông tin điện tử theo Luật Tiếp cận thông tin: 1/1 điểm.

7.3. Hạ tầng thông tin cơ bản tại cấp xã: 2/2 điểm.

7.3.1. Thiết lập hạ tầng kỹ thuật mạng LAN: 1/1 điểm

7.3.2. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính tại nơi làm việc: 1/1 điểm

7.4. Ứng dụng Hệ thống văn phòng điện tử: 4/4 điểm.

7.4.1. Tỷ lệ văn bản được trao đổi và xử lý dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật): 2/2 điểm

7.4.2. Tỷ lệ hồ sơ công việc được lập và xử lý dưới dạng điện tử (căn cứ theo Danh mục hồ sơ công việc của UBND cấp xã; không ban hành danh mục hồ sơ công việc thì không tính điểm): 2/2 điểm

7.5. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến: 3,1/8 điểm.

7.5.1. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 1/ 1 điểm

7.5.2. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến: 1,87/ 2 điểm

7.5.3. Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 1/1 điểm

7.5.4. Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 2/2 điểm

7.5.5. Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: 2/2 điểm

7.6. Tỷ lệ hồ sơ chứng thực điện tử: 1,7/ 2 điểm.

7.7. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến: 0/ 1 điểm.

8. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI: 3/ 3 điểm.

8.1. Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND cấp huyện giao: 1/ 1 điểm.

8.2. Thực hiện thu ngân sách hàng năm theo chỉ tiêu được giao: 1/ 1 điểm.

8.3. Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh (hoạt động trên địa bàn) thành lập mới trong năm: 1/ 1 điểm.

II. ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN: 30/ 30 điểm.

III. ĐIỂM THƯỞNG

1.2. Có đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC, cắt giảm 01 thành phần hồ sơ hoặc yêu cầu điều kiện giải quyết TTHC được UBND tỉnh thông qua: 1 điểm

IV. ĐIỂM TỔNG CỘNG: 97,46/ 100 điểm.

B. TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG, GIẢI TRÌNH CÁC NỘI DUNG TỰ ĐÁNH GIÁ

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC: 66,46/ 70 điểm.

1. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH: 12/14 điểm.

1.1. Ban hành kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) hàng năm (Kế hoạch CCHC, Kế hoạch tuyên truyền, kế hoạch kiểm tra CCHC): 1/ 1 điểm.

- Ban hành đúng thời gian quy định: 0.5/ 0.5 điểm.

- Các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC được xác định cụ thể, rõ ràng, đầy đủ theo định hướng và chỉ đạo chung của huyện; mỗi mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phải phân công trách nhiệm và quy định thời gian hoàn thành: 0.5/ 0.5 điểm.

UBND thị trấn đã ban hành đúng nội dung, thời gian. Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2024 về việc Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC được UBND thị trấn xác định cụ thể, đầy đủ theo định hướng và chỉ đạo chung của huyện, quy định rõ thời gian hoàn thành.

1.2. Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC: 1/1 điểm.

*Điểm được tính theo công thức: (b/a)*1*

$$25/25*1=1$$

UBND thị đã hoàn thành

1.3. Công tác tuyên truyền CCHC: 2/ 2 điểm.

- Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền CCHC: 0.5/ 0.5 điểm

UBND thị trấn đã ban hành Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 17/04/2024 về việc Ban hành Kế hoạch truyền thông cải cách hành chính trên địa bàn thị trấn Diêu Trì năm 2024.

- Mức độ đa dạng trong tuyên truyền cải cách hành chính: 1.5/ 1.5 điểm

UBND thị trấn tổ chức tuyên truyền trên hệ thống Đài truyền thanh thị trấn, trang zalo OA, trang thông tin điện tử thị trấn, tuyên truyền Pano, Áp phích trước trụ sở UBND thị trấn, ngoài ra còn tuyên truyền trong sinh hoạt đảng bộ, chi bộ, tuyên truyền trong sinh hoạt của các hội đoàn thể, sinh hoạt khu dân cư.

1.4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo chuyên đề về CCHC: 1/ 1 điểm.

- Thực hiện đầy đủ báo cáo, đảm bảo nội dung, thời gian quy định: 0.5/0.5 điểm.

- Báo cáo các nội dung chuyên đề, đột xuất về công tác CCHC: 0.5/0.5 điểm.

UBND thị trấn đã tổ chức thực hiện các báo cáo định kỳ, chuyên đề và đột xuất về công tác CCHC, bao gồm: báo cáo tháng, quý, năm. Các báo cáo đáp ứng đầy đủ số liệu, nội dung và gửi đúng thời gian quy định.

1.5. Công tác kiểm tra CCHC: 3/ 3 điểm

1.5.1. Tổ chức tự kiểm tra quy trình tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa cấp xã; quy trình giải quyết hồ sơ TTHC tại các bộ phận chuyên môn của UBND cấp xã: 1/ 1 điểm

UBND thị trấn đã ban hành các Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 về Ban hành Kế hoạch tự kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024; Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 về việc thành lập Tổ kiểm tra Công tác cải cách hành chính trên địa bàn thị trấn Diêu Trì năm 2024. Đã tổ chức tự kiểm tra công tác CCHC năm 2024 và chỉ ra các tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục.

1.5.2. Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: 1/ 1 điểm

100% các tồn tại, hạn chế kiến nghị sau kiểm tra đã được xử lý, khắc phục: 1/ 1 điểm

1.5.3. Công tác khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra của Đoàn kiểm tra CCHC huyện: 1/1 điểm

100% nội dung tồn tại, hạn chế sau kiểm tra được đơn vị khắc phục theo đúng quy định

Các tồn tại, hạn chế kiến nghị sau kiểm tra đã được xử lý, khắc phục và báo cáo kết quả tại các Báo cáo số 102/BC-UBND ngày 09/9/2024 về việc thực hiện khắc phục sau kiểm tra công tác cải cách năm 2024 của Đoàn kiểm tra CCHC tỉnh; Báo cáo số 120/ BC-UBND ngày 15/10/2024 Về việc thực hiện khắc phục sau

kiểm tra chuyên đề công tác kiểm soát thủ tục hành chính; việc xây dựng và phát triển chính quyền điện tử năm 2024 của Đoàn kiểm tra CCHC huyện.

1.6. Thực hiện các nhiệm vụ do UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao: 1/1 điểm.

Trong năm 2024 UBND thị trấn tổ chức chỉ đạo và thực hiện đạt được những kết quả sau:

Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 Ban hành những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024.

Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 về chương trình công tác trọng tâm của UBND thị trấn năm 2024.

Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 18/03/2024 Kết quả thực hiện công tác Quý I và Chương trình công tác Quý II năm 2024

Báo cáo số 59/BC-UBND ngày 24/6/2024 Tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024.

Báo cáo số 109/BC-UBND ngày 20/09/2024 Tình hình phát triển kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ 03 tháng cuối năm 2024

Báo cáo số 171/BC-UBND ngày 06/12/2024 Tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2025.

1.7. Trách nhiệm người đứng đầu trong công tác công tác CCHC: 2/2 điểm.

1.7.1. Trực tiếp phụ trách công tác CCHC, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; có văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại địa phương, tham dự đầy đủ các cuộc họp, hội nghị về công tác CCHC của huyện (trường hợp người đứng đầu không thể tham dự được với lý do chính đáng thì có thể ủy quyền cho cấp phó tham dự): 0.5/0.5 điểm.

Trong năm 2024, UBND thị trấn ban hành các Quyết định, Kế hoạch sau để chỉ đạo công tác cải cách hành chính của địa phương:

- Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 về Ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thị trấn Diêu Trì năm 2024.

- Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 11/01/2024 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024

- Công văn số 06/UBND-VP ngày 12/01/2024 về việc đăng ký thủ tục hành chính thực hiện rà soát, đánh giá, đơn giản hóa năm 2024.

- Công văn số 14/UBND-VP ngày 04/03/2024 về việc lấy ý kiến đăng ký Danh mục thủ tục hành chính thực hiện phi địa giới.

- Công văn số 28/UBND-VP ngày 25/04/2024 về việc rà soát, thực hiện bãi bỏ các văn bản, quy trình có quy định việc lấy ý kiến đối với các cơ quan liên quan chưa phù hợp, nặng tính hình thức, làm kéo dài thời gian giải quyết công việc.

- Kế hoạch số 37/QĐ-UBND ngày 09/05/2024 về việc Cải thiện, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của thị trấn Diêu Trì năm 2024.

- Kế hoạch số 38/QĐ-UBND ngày 09/05/2024 về việc Khắc phục tồn tại, hạn chế và nhiệm vụ, giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính thị trấn Diêu Trì năm 2024.

- Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 09/07/2024 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện mô hình “Hành chính phục vụ người dân” trên địa bàn thị trấn Diêu Trì.

- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 12/07/2024 về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thị trấn khi tiếp xúc với tổ chức và công dân.

- Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 17/7/2024 về việc Triển khai thực hiện Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Bình Định” trên địa bàn thị trấn Diêu Trì.

- Thông báo số 36/TB-UBND ngày 29/07/2024 về việc niêm yết công khai Danh mục 159 thủ tục hành chính của 40 lĩnh vực bằng hình thức quét mã QR-Code thuộc phạm vi giải quyết cấp xã tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thị trấn.

- Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 07/8/2024 về việc Chuyển đổi số tại thị trấn Diêu Trì năm 2024.

- Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 15/8/2024 về việc Triển khai thực hiện Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 05/47/2024 của UBND tỉnh về Cải thiện, nâng cao kết quả Chỉ số PAPI, Chỉ số SIPAS, Chỉ số PAR INDEX và Chỉ số PCI của tỉnh Bình Định đến năm 2025 trên địa bàn thị trấn Diêu Trì. Lãnh đạo UBND thị trấn tham dự đầy đủ các cuộc họp, hội nghị về công tác CCHC của huyện triển khai.

1.7.2. Có tổ chức gặp gỡ, trao đổi, đối thoại với người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại địa phương và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc: 0.5/ 0.5 điểm.

Trong năm, UBND thị trấn tổ chức tiếp công dân định kỳ vào thứ 5 hàng tuần, tại buổi tiếp công dân lãnh đạo UBND thị trấn đã giải thích, giải quyết tại chỗ hoặc giao cho các ngành chuyên môn kiểm tra hồ sơ tham mưu lãnh đạo UBND thị trấn giải quyết, hầu hết công dân báo cáo, kiến nghị, qua đó bộ phận tiếp công dân giải thích, trình bày cho công dân. Phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam thị trấn và Đoàn TNCS HCM thị trấn tổ chức 02 Hội nghị gặp gỡ, trao đổi, đối thoại với người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, Đoàn viên thanh niên tại địa phương để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của người dân (*Có sổ biên bản tiếp dân năm 2024, Kế hoạch Tổ chức đối thoại*)

1.7.3. Tổ chức quán triệt, phân tích, rút kinh nghiệm về chỉ số CCHC sau khi UBND huyện công bố: 1/1 điểm

Có tổ chức Hội nghị, cuộc họp quán triệt: 0.5/ 0.5 điểm

Ban hành văn bản chỉ đạo, rút kinh nghiệm và thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác CCHC: 0.5/ 0.5 điểm

UBND thị trấn đã triển khai họp bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để quán triệt các nội dung đến bộ phận trực tiếp tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính, rà soát các nhiệm vụ còn tồn tại, hạn chế để tìm ra biện pháp khắc phục. Bên cạnh đó, UBND thị trấn sẽ thường xuyên chỉ đạo, quán triệt cán bộ, công chức thực hiện tốt các nội dung công tác CCHC trong các cuộc họp giao ban.

UBND thị trấn ban hành Thông báo số 16/TB-UBND ngày 24/4/2024 về việc khuyến khích nộp hồ sơ trực tuyến một phần, toàn trình và đăng ký nhận kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

1.8. Công tác tổng kết phong trào thi đua CCHC hàng năm: 1/3 điểm.

1.8.1. Có ban hành Kế hoạch phát động phong trào thi đua và tổ chức hội nghị đánh giá tổng kết: 0.5/ 0.5 điểm.

UBND thị trấn tổ chức, triển khai thực hiện Kế hoạch phát động phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn huyện Tuy Phước giai đoạn 2021-2025

1.8.2. Có bình xét thi đua, khen thưởng: 0.5 /0.5 điểm

UBND thị trấn đã gửi Công văn số 108/UBND-TĐKT ngày 27/11/2024 về việc khen thưởng năm 2024 đến các ban ngành, Hội đoàn thể thị trấn, các đơn vị trực thuộc, Ban điều hành các khu phố và tổ chức họp xét khen thưởng cho các cá nhân, tập thể tiêu biểu.

1.8.3. Có sáng kiến mới về CCHC phát huy hiệu quả tại địa phương: 0/ 2 điểm.

2. CẢI CÁCH THỂ CHẾ: 4/ 4 điểm.

2.1. Công tác ban hành văn bản QPPL: 1/ 1 điểm.

- 100% VBQPPL ban hành đảm bảo thẩm quyền, trình tự, tiến độ và chất lượng theo quy định: 1/ 1 điểm.

Trong năm 2024, UBND thị trấn đã ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật để chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ của địa phương trong năm, cụ thể: Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trên địa bàn thị trấn Diêu Trì, Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 về việc Bãi bỏ Quyết định của Ủy ban nhân dân thị trấn Diêu Trì. Theo đó, UBND thị trấn đã chỉ đạo công chức Tư pháp - Hộ tịch phối hợp với các ban, ngành tiến hành tự kiểm tra đối với văn bản QPPL của thị trấn.

2.2. Thực hiện rà soát, hệ thống văn bản QPPL do địa phương ban hành theo đúng quy định: 1/ 1 điểm.

- Có ban hành Kế hoạch và thực hiện chế độ báo cáo (kể cả kế hoạch giai đoạn nếu có): 0.5/ 0.5 điểm.

UBND thị trấn đã ban hành Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 về Kế hoạch kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thị trấn Diêu Trì năm 2024. Báo cáo số 12/BC-UBND ngày 22/02/2024 về kết quả kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND kỳ 2019-2023

- Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực: 0.5/ 0.5 điểm.

UBND thị trấn đã ban hành Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 về việc Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND thị trấn Diêu Trì trong kỳ hệ thống hóa 2019 – 2023.

2.3. Xử lý văn bản sau rà soát, kiểm tra và kiến nghị: 1/ 1 điểm.

- 100% văn bản đã hoàn thành việc xử lý: 1 / 1 điểm.

2.4. Ban hành kế hoạch và báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định: 1/ 1 điểm.

Trong năm 2024 UBND thị trấn đã ban hành Quyết định số 34/QĐ-UBND về Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn thị trấn Diêu Trì; Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 về ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2024 trên địa bàn thị trấn Diêu Trì; Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 20/11/2024 về Công tác đối thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính năm 2024.

3. CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: 8/ 8 điểm.

3.1. Rà soát, đánh giá, đơn giản hóa đối với thủ tục hành chính có phát sinh giao dịch: 1/ 2 điểm.

Có phương án giảm thời gian giải quyết TTHC bảo đảm thực chất: 1/ 1 điểm.

Có phương án đơn giản hóa TTHC cắt giảm 01 thành phần hồ sơ hoặc yêu cầu điều kiện giải quyết TTHC được UBND tỉnh thông qua đối với ít nhất 01 TTHC: 0/1 điểm

UBND thị trấn tổ chức thực hiện đơn giản hóa TTHC. Ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 11/01/2024 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024, Công văn số 06/UBND-VP ngày 12/01/2024 trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội, đối với Thủ tục “Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật”.

3.2. Kết quả giải quyết TTHC: 3 / 3 điểm.

100% hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn

Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC năm 2023 (từ ngày 01/01/2024 – 30/11/2024) tổng hồ sơ nhận là 3.043, tổng hồ sơ đã giải quyết là 3032; trong đó số hồ sơ giải quyết sớm và đúng hạn là 3032 (đạt 99,6%); số hồ sơ giải quyết trễ và quá hạn là 0; số hồ sơ đang giải quyết là 18.

3.3. Thực hiện việc xin lỗi tổ chức, công dân trong trường hợp trả kết quả không đúng hẹn (nếu xác định không trễ hẹn được giữ nguyên điểm): 1/ 1 điểm

3.4. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết: 2/ 2 điểm.

3.4.1. Có công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị về TTHC theo quy định: 1/ 1 điểm

Có công khai tại bảng niêm yết các thủ tục hành chính tại phòng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thị trấn.

3.4.2. Xử lý phản ánh kiến nghị về TTHC: 1 /1 điểm

100% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đúng quy định: 1 /1 điểm

Trong năm UBND thị trấn không có nhận phản ánh, kiến nghị về TTHC

4. CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY: 9/9 điểm.

4.1. Rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy kịp thời và đảm bảo theo quy định của cấp có thẩm quyền: 1/ 1 điểm.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định: 1/1 điểm.

Thực hiện kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 27/9/2024 của UBND huyện Tuy Phước về Thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn huyện, UBND thị trấn đã tổ chức triển khai thực hiện và lồng ghép các nội dung chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp vào Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 của địa phương.

4.2. Thực hiện quy định về sử dụng biên chế cán bộ, công chức được giao (bao gồm cả số lượng người hoạt động không chuyên trách): 1/ 1 điểm.

- Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế cán bộ, công chức được giao: 1/ 1 điểm

Tổng số cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách và lao động của cơ quan là 35 người (gồm: cán bộ 11, công chức 09, người hoạt động không chuyên trách 11 người, hợp đồng lao động khác 04 người). Trình độ chuyên môn cán bộ, công chức cơ bản được đảm bảo (gồm: 02 thạc sỹ, 16 cử nhân, 01 Chủ tịch Hội Cựu chiến binh có bằng trung cấp).

4.3. Thông báo phân công nhiệm vụ kịp thời, phù hợp với quy định và thực tế của địa phương: 1/ 1 điểm.

- Kịp thời, đầy đủ, phù hợp với quy định và thực tế của địa phương: 1/ 1 điểm.

UBND thị trấn ban hành các văn bản : Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 về việc Phân công nhiệm vụ Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và ủy viên Ủy ban nhân dân thị trấn Điều Trì nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định số 250/QĐ-

UBND ngày 12/8/2024 về việc Phân công nhiệm vụ đối với công chức thuộc Ủy ban nhân dân thị trấn Diêu Trì; Thông báo số 51/TB-UBND ngày 16/9/2024 phân công nhiệm vụ người hoạt động không chuyên trách và lao động thuộc Ủy ban nhân dân TT Diêu Trì.

4.4. Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về biên chế, tổ chức bộ máy theo quy định: 1/ 1 điểm.

- Thực hiện đảm bảo nội dung quy định: 1/ 1 điểm.

4.5. Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý theo quy định: 4/4 điểm.

4.5.1. Thực hiện đầy đủ các quy định về phân cấp quản lý do cấp trên ban hành: 1/1 điểm.

4.5.2. Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ các nội dung đã được UBND huyện phân cấp, ủy quyền: 1/ 1 điểm .

- Có báo cáo kết quả kiểm tra: 0.5/ 0.5 điểm.

- Có kiến nghị và theo dõi kết quả sau kiểm tra: 0.5/ 0.5 điểm.

4.5.3. Xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đối với các nội dung đã được phân cấp, ủy quyền: 2/2 điểm.

UBND thị trấn đã ban hành Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 02/7/2024 về Đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản trên địa bàn thị trấn Diêu Trì năm 2024 và Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 09/7/2024 Về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản và vật tư nông nghiệp theo phân công, phân cấp tại Quyết định số 7733/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện trên địa bàn trên địa bàn thị trấn năm 2024. UBND thị trấn đã chỉ đạo bộ phận chuyên môn rà soát, thống kê danh sách các cơ sở thực hiện ký cam kết về ATTP theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Qua kiểm tra, đã có 19 cơ sở kinh doanh thực hiện ký cam kết. Phối hợp với đoàn kiểm tra của huyện kiểm tra 02 cơ sở kinh doanh phân bón và thuốc BVTV, qua kiểm tra không có cơ sở vi phạm.

4.6. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về CCVC của tỉnh (đúng - đủ - sạch - sống): 1/ 1 điểm

- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: 1 điểm

5. CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ: 7/ 7 điểm

5.1. Tỷ lệ cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định hiện hành: 1/ 1 điểm.

- 100% cán bộ đạt chuẩn theo quy định: 0.5/ 0.5 điểm.

- 100% công chức đạt chuẩn theo quy định: 0.5/ 0.5 điểm.

5.2. Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức của đơn vị đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0.5/ 0.5 điểm.

- *Đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0.5/ 0.5 điểm.*

5.3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: 1/ 1 điểm.

- *Xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm đúng quy định: 0.5/ 0.5 điểm.*

- *CBCC tham gia đầy đủ, đúng đối tượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng do tỉnh, huyện tổ chức: 0.5/ 0.5 điểm.*

5.4. Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đảm bảo theo kế hoạch của huyện: 1/1 điểm.

- *Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đảm bảo theo Kế hoạch: 1/ 1 điểm.*

UBND thị trấn đã xây dựng báo cáo số 33/BC-UBND ngày 22/4/2024 về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức năm 2024. Theo đó, UBND thị trấn Diêu Trì có 03 công chức đủ điều kiện chuyển đổi thuộc các ngành Địa chính – Xây dựng, Tư pháp – Hộ tịch, Văn hóa – Xã hội.

5.5. Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức: 2/ 2 điểm.

5.5.1. Gửi kết quả đánh giá về Phòng Nội vụ đúng thời gian quy định: 1/ 1 điểm.

5.5.2. Tỷ lệ CBCC hoàn thành tốt nhiệm vụ: 1/ 1 điểm.

- *100% CBCC được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: 1/ 1 điểm.*

5.6. Thực hiện kỷ luật kỷ cương hành chính và văn hóa công vụ: 1/ 1 điểm.

- *Trong năm không có cán bộ, công chức vi phạm về kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công vụ: 1/ 1 điểm.*

5.7. Thực hiện việc kê khai tài sản cán bộ, công chức theo quy định: 0.5/ 0.5 điểm.

- *Thực hiện đầy đủ quy trình theo quy định: 0.5/ 0.5 điểm.*

6. CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG: 5,67/ 6 điểm.

6.1. Thực hiện công khai tài chính đầy đủ theo quy định: 1.5/ 1.5 điểm.

6.1.1. Công khai tài chính về dự toán đầu năm trình HĐND (BM,TG,HT): 0.2/0.2 điểm

6.1.2. Công khai tài chính về dự toán đầu năm của UBND (BM,TG,HT): 0.25/0.25 điểm

6.1.3. Công khai tài chính về thực hiện dự toán quý, I, II, III, IV, CN (BM, TG, HT): 0.25/0.25 điểm

6.1.4. Công khai tài chính về quyết toán dự toán (Biểu mẫu, Thời gian, Hình thức): 0.2/0.2 điểm

6.1.5. Công khai quỹ PCTT, quỹ ủng hộ người nghèo. . . (BM,TG,HT): 0.2/0.2 điểm

6.1.6. Công khai dự toán danh mục đầu tư (BM,TG,HT): 0.2/0.2 điểm

6.1.7. Công khai quyết toán vốn đầu tư (BM,TG,HT): 0.2/0.2 điểm

6.2. Xây dựng quy chế tự chủ về sử dụng biên chế và kinh phí tại đơn vị theo quy định và quy chế sử dụng tài sản công của đơn vị: 1/ 1 điểm

- Có xây dựng đầy đủ, chất lượng của quy chế tự chủ và thực hiện tốt: 0.5/0.5 điểm.

- Có xây dựng đầy đủ, chất lượng của quy chế sử dụng tài sản và thực hiện tốt: 0.5/ 0.5 điểm

UBND thị trấn đã ban hành Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của UBND thị trấn Diêu Trì.

6.3. Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền: 0.5/ 0.5 điểm.

- Đã thực hiện 100% kiến nghị: 0.5/ 0.5 điểm.

6.4. Xây dựng và báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách: 1/ 1 điểm.

- Thực hiện xây dựng báo cáo và gửi đúng thời hạn: 1/ 1 điểm.

6.5. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước: 0,67/1 điểm.

Điểm đánh giá được tính theo công thức: $90\% \times 1 / 100\% = 0,9$

6.6. Thực hiện quản lý các phần mềm: 1/1 điểm.

6.6.1. Phần mềm quản lý tiền lương: 0.2/0.2 điểm

6.6.2. Phần mềm quản lý đầu tư: 0.2/0.2 điểm

6.6.3. Phần mềm quản lý tài sản: 0.2/0.2 điểm

6.6.4. Phần mềm kế toán: 0.2/0.2 điểm

6.6.5. Phần mềm quản lý ngân sách: 0.2/0.2 điểm

7. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ: 9,9/19 điểm.

7.1. Ban hành đầy đủ các Kế hoạch, quy định, quy chế để triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số của địa phương: 1/1 điểm.

UBND thị trấn đã Ban hành các văn bản để triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số của địa phương như: Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 17/04/2024 về việc Ban hành Kế hoạch truyền thông cải cách hành chính trên địa bàn thị trấn Diêu Trì năm 2024, Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 07/8/2024 về việc Chuyển đổi số tại thị trấn Diêu Trì năm 2024. Đã thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp thị trấn và kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng cấp khu phố.

7.2. Cung cấp các loại thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Trang thông tin điện tử theo Luật Tiếp cận thông tin: 1/1 điểm.

- *Cung cấp thông tin đầy đủ theo Luật Tiếp cận thông tin: 0,5/0.5 điểm.*
- *Cung cấp thông tin người phát ngôn báo chí và đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin theo Luật Tiếp cận thông tin: 0,5/0.5 điểm.*

UBND thị trấn đã kiện toàn Ban biên tập, Ban hành quy chế quản lý, sử dụng và cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử thị trấn, cập nhật đầy đủ thông tin các nội dung về quá trình hình thành, văn bản chỉ đạo điều hành,...trên Trang thông tin điện tử thị trấn.

Cung cấp thông tin người phát ngôn báo chí tại Thông báo số 08/TB-UBND ngày 07/3/2024 về việc thông báo danh sách người phát ngôn và cung cấp thông tin báo chí.

7.3. Hạ tầng thông tin cơ bản tại cấp xã: 2/ 2 điểm.

7.3.1. Thiết lập hạ tầng kỹ thuật mạng LAN

- *Có thiết lập hạ tầng kỹ thuật mạng LAN và có sơ đồ thiết kế quản trị hệ thống mạng LAN: 1/1điểm*

Nâng cấp mạng LAN/WAN, bổ sung hệ thống thiết bị CNTT, đảm bảo an toàn thông tin mạng; xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin của UBND thị trấn Diêu Trì và đã được Sở thông tin truyền thông phê duyệt.

7.3.2. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính tại nơi làm việc: 1/1 điểm

Điểm được tính theo công thức: $20/20 \times 1 = 1$

7.4. Ứng dụng Hệ thống văn phòng điện tử: 4/4 điểm.

- 7.4.1. Tỷ lệ văn bản được trao đổi và xử lý dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật): 2/2 điểm.

- *100% văn bản được xử lý dưới dạng điện tử : 2/2 điểm.*

- 7.4.2. Tỷ lệ hồ sơ công việc được lập và xử lý dưới dạng điện tử (căn cứ theo Danh mục hồ sơ công việc của UBND cấp xã; không ban hành danh mục hồ sơ công việc thì không tính điểm): 2/2 điểm.

- *Từ 80% trở lên hồ sơ công việc được lập: 2/2 điểm.(44/49 hồ sơ công việc đã được lập)*

7.5. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến: 7,86/8 điểm.

- 7.5.1. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 1/1 điểm.

Điểm được tính theo công thức: $14/14 \times 1 = 1$

- 7.5.2. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến: 1,87/2 điểm

Điểm được tính theo công thức: $(93,4\% > 60\%) 2362/2529 \times 2 = 1,87$

7.5.3. Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 1/ 1 điểm

*Điểm được tính theo công thức: $13/13*1=1$*

7.5.4. Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 2/ 2 điểm

Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: **(100% > 70%) $2183/2183*2=2$**

7.5.5. Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: 1,99/ 2 điểm

Tỷ lệ số hóa hồ sơ: **(99.8% > 95%) $99.8%*1/100\%=0,99$**

*Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử: $100\% *1/ 100\% = 1$.*

7.6. Tỷ lệ hồ sơ chứng thực điện tử: 1.7/2 điểm.

$1385/1617*2=1,7$

7.7. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến: 0/1 điểm.

Có giải pháp nâng cao chất lượng cung cấp đối với ít nhất 02 dịch vụ công trực tuyến: 0,5

Có giải pháp nâng cao chất lượng cung cấp đối với ít nhất 03 dịch vụ công trực tuyến: 0,5

8. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI: 3/ 3 điểm.

8.1. Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND cấp huyện giao: 1/ 1 điểm.

8.2. Thực hiện thu ngân sách hàng năm theo chỉ tiêu được giao: 1/ 1 điểm.

- Vượt chỉ tiêu từ 4% trở lên: 1/1 điểm.

8.3. Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh (hoạt động trên địa bàn) thành lập mới trong năm: 1/1 điểm.

- Tăng từ 20% trở lên so với năm trước liền kề: 1/ 1 điểm.

Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 18/03/2024 Kết quả thực hiện công tác Quý I và Chương trình công tác Quý II năm 2024

Báo cáo số 59/BC-UBND ngày 24/6/2024 Tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024.

Báo cáo số 109/BC-UBND ngày 20/09/2024 Tình hình phát triển kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ 03 tháng cuối năm 2024

Báo cáo số 171/BC-UBND ngày 06/12/2024 Tình hình phát triển kinh tế-xã hội năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2025.

II. ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN: 30/ 30 điểm.

III. ĐIỂM THƯỜNG

1.2. Có đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC, cắt giảm 01 thành phần hồ sơ hoặc yêu cầu điều kiện giải quyết TTHC được UBND tỉnh thông qua: 1 điểm

IV. ĐIỂM TỔNG CỘNG: 97,46/ 100 điểm. (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ)

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ huyện;
- TT Đảng ủy - HĐND ;
- CT, 2 PCT UBND;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đào Duy Quốc